

Bản án số: **99/2017/HC-PT**

Ngày: 25-7-2017

V/v: “Kiện quyết định hành chính,  
hành vi hành chính về lĩnh vực quản  
lý đất đai”

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Thông

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Việt Cường

Ông Phạm Bá Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Phước Thạnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 136/2017/TLPT-HC ngày 22/6/2017 về việc “*Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2017/HC-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 136/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Bùi Tấn D, sinh năm 1990.

Trú tại: Đường V, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

**Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện:** Bà Phan Thị Kim C, sinh năm 1966, trú tại: Đường P, khối K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 14/6/2017, có mặt).

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Khô B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Văn A – Chủ tịch UBND huyện.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trương Văn T – Phó Chủ tịch. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 19/7/2017, có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Ông Trần Đình Y – Trưởng Phòng Phòng Tài nguyên & Môi trường và ông Phan Châu H – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N. (Đều có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ban Quản lý Khu C.

Địa chỉ: Đường L, phường A, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đỗ M – Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu C. (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nội dung vụ án như sau:*

*Theo đơn khởi kiện của ông Bùi Tấn D, trình bày của bà Phan Thị Kim C là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tại phiên tòa, như sau:*

Do nhu cầu đất ở nên vào năm 2011, ông Bùi Tấn D có mua một lô đất có số thửa P, Tờ bản đồ số E, diện tích 159,5m<sup>2</sup> (trong đó có 80m<sup>2</sup> đất ở) tại thôn X, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vào ngày 25/3/2013, Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành ban hành Quyết định số 962/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ đất ở của ông D để thực hiện công trình nâng cấp cải tạo tuyến đường ĐT617. Ngày 24/6/2013, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 3111/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông D. Toàn bộ diện tích đất ở của ông D đã bị thu hồi mà đến nay vẫn chưa ra quyết định bố trí tái định cư cho ông dù từ năm 2013 ông đã gửi đơn yêu cầu liên tục.

Vì tiến độ công trình nên Ủy ban nhân dân huyện N ra quyết định thu hồi đất của ông D và phương án bồi thường, hỗ trợ. Tiếp tục, Ủy ban nhân dân huyện N đã gửi Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 21/02/2014 đề nghị Ban quản lý Khu C cho phép bố trí tái định cư cho ông D. Đến ngày 06/3/2014, Ban quản lý Khu C có Công văn số 80/KTM-TNMT về việc giao đất tái định cư để bố trí cho ông D. Ngày 18/3/2014, với sự chứng kiến của Ủy ban nhân dân xã Q, Trung tâm phát

triển quỹ đất huyện N, Ban quản lý các dự án ĐT-XD huyện N đã tổ chức bốc thăm và ông D được nhận lô I - Khu K - Khu dân cư ĐT 617 (giai đoạn 2) thuộc xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Sau khi thực hiện các bước bốc thăm, bàn giao mặt bằng lô đất tái định cư nhưng ông D chờ mãi vẫn không nhận được quyết định bố trí tái định cư nên ông D đã ủy quyền cho bà Phan Thị Kim C gửi đơn kiến nghị. Ngày 22/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện N có Công văn số 1094/UBND-TNMT trả lời đơn là không thống nhất bố trí đất tái định cư cho ông D. Do vậy, ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc trả lời Đơn kiến nghị ghi ngày 12/4/2016 của bà Phan Thị Kim C, trú tại khối G, thị trấn N; buộc Ủy ban nhân dân huyện N bố trí đất tái định cư cho ông D.

*Theo Văn bản số 297/UBND-TNMT ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N, trình bày của ông Trương Văn T là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tại phiên tòa, như sau:*

Thực hiện Thông báo số 24/TB-UBND ngày 20/02/2012 của Ủy ban nhân dân huyện N về chủ trương thu hồi đất để xây dựng, nâng cấp, cải tạo tuyến ĐT617 đoạn Km0+00 - Km4+245. Trên cơ sở Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện đã quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng trong phạm vi dự án, trong đó có thu hồi đất ở không có nhà ở của ông Bùi Tấn D. Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định 2814/QĐ-UBND ngày 14/6/2013, Quyết định 3237/QĐ-UBND ngày 01/7/2013 phê duyệt phương án bồi thường bằng tiền về đất ở cho ông D và không được bố trí tái định cư. Ông D đã nhận bồi thường bằng tiền, bàn giao mặt bằng để thi công công trình.

Sau khi nhận bồi thường bằng tiền về đất ở, ông D tiếp tục đề nghị bố trí tái định cư theo hình thức đổi đất. Ngày 14/9/2015, ủy ban nhân dân huyện có Công văn số 1053/UBND-TNMT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cho ý kiến bố trí tái định cư theo đề nghị của ông D.

Trên cơ sở khoản 1 Điều 18 Thông tư 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; khoản 1 Điều 28 Quy định kèm theo Quyết định 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của

Ủy ban nhân dân tỉnh về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Ngày 09/10/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 1554/STNMT-QLĐĐ có nêu: Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do thu hồi hết đất ở có nhà ở mà không có chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn thì đủ điều kiện bố trí tái định cư. Đối với việc thu hồi đất của ông D thì trên đất ở bị thu hồi không có nhà ở nên Ủy ban nhân dân huyện không giải quyết bố trí tái định cư là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở nêu trên, việc Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định 2814/QĐ-UBND ngày 14/6/2013, Quyết định 3237/QĐ-UBND ngày 01/7/2013 phê duyệt phương án bồi thường bằng tiền về đất ở, không giải quyết bố trí tái định cư cho ông D là phù hợp quy định khoản 1 Điều 18 Thông tư 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; khoản 1 Điều 28 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Ban hành kèm theo Quyết định 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam).

Ngày 12/4/2016, bà Phan Thị Kim C (đại diện cho ông Bùi Tấn D) có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện trả lời lý do chậm trễ trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tái định cư cho ông D. Ngày 22/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện có Công văn số 1094/UBND-TNMT, nội dung: Vì ông D không phải là đối tượng được bố trí đất tái định cư (đối tượng bị thu hồi hết đất ở có nhà ở mà không có chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn) nhưng đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tái định cư là không có cơ sở; theo đó, việc bà C cho rằng Ủy ban nhân dân huyện chậm trễ trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tái định cư cho ông D là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện là phù hợp quy định khoản 1 Điều 18 Thông tư 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; khoản 1 Điều 28 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Ban hành kèm theo Quyết định 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam).

Do vậy, việc ông D yêu cầu hủy Công văn 1094/UBND-TNMT ngày 22/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện và buộc Ủy ban nhân dân huyện bố trí đất tái định cư sau khi bị giải tỏa đất ở không có nhà ở là không có cơ sở pháp lý và trái với quy định khoản 1 Điều 18 Thông tư 14/2009/TT-BTNMT ngày

01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; khoản 1 Điều 28 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và Công văn 1554/STNMT-QLĐĐ ngày 09/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

*Theo trình bày của ông Đỗ M là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý Khu C tại phiên tòa, như sau:*

Ban quản lý Khu C nhận thấy nội dung khởi kiện của ông D không liên quan đến Ban quản lý Khu C vì chủ đầu tư dự án, đơn vị thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư đều thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện N.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2017/HC-ST ngày 12/5/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:**

Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tấn D.

Xử: Hủy Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc trả lời Đơn kiến nghị ghi ngày 12/4/2016 của bà Phan Thị Kim C, trú tại khối G thị trấn N và buộc Ủy ban nhân dân huyện N bố trí đất tái định cư cho ông Bùi Tấn D theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/5/2017, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2017/HC-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:**

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Về nội dung: Kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận

kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử xét thấy:

#### **[1]. Về nội dung:**

Xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N, Hội đồng xét xử xét thấy: Ủy ban nhân dân huyện N căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư)”* và Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cho rằng hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do thu hồi hết đất ở có nhà ở mà không có chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn thì đủ điều kiện bố trí tái định cư. Đối với việc thu hồi đất của ông D thì trên đất ở bị thu hồi không có nhà ở nên Ủy ban nhân dân huyện N không giải quyết bố trí tái định cư là phù hợp quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào các quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm giải quyết việc bồi thường cho ông D thì thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất như đã trích dẫn trên thì không có quy định phải có nhà ở mới được bố trí đất tái định cư và theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư quy định: *“... Đối với hộ gia đình, cá nhân, khi Nhà nước thu hồi đất ở mà không có chỗ ở nào khác thì được giao đất ở và nhà ở tái định cư...”*. Trong khi đó ông D có Giấy xác nhận ngày 04/5/2017 với nội dung là: Không có nhà ở gắn liền với đất ở ổn định tại nơi cư trú đến thời điểm hiện nay. Xét về tính pháp lý thì Nghị định 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ

có giá trị pháp lý cao hơn Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Từ những phân tích trên, cho thấy quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện N, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[2]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**[3]. Về án phí:**

Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241; Điều 29 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về nội dung:**

Không chấp nhận kháng cáo người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2017/HC-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tấn D.

Hủy Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc trả lời Đơn kiến nghị ghi ngày 12/4/2016 của bà Phan Thị Kim C và buộc Ủy ban nhân dân huyện N bố trí đất tái định cư cho ông Bùi Tấn D theo quy định của pháp luật.

**2. Về án phí:** Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 000SSS ngày 24/5/2017 của Cục Thi hành án sự tỉnh Quảng Nam. Còn phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Bùi Tấn D 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 000ZZZ ngày 15/02/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

**3.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA Dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Ngọc Thông**